

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

☒ ☐  
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Giao thông vận tải** ; Chuyên ngành: **Tổ chức và Quản lý giao thông vận tải**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. **Họ và tên người đăng ký:** NGUYỄN CAO Ý

2. **Ngày tháng năm sinh:** 23/12/1982; Nam ; ☒ Nữ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

4. **Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):** Xã Việt Hùng-Huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):** Nhà số 8 – Ngõ 167 – Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội.

6. **Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):** Nhà số 8 – Ngõ 167 – Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội.

Điện thoại di động: 0906207987; Email:ynguyencao82@utc.edu.vn

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ năm 2005 đến năm 2006: Giảng viên bộ môn Quản Trị Kinh Doanh, Khoa Vận tải Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

- Từ năm 2006 đến năm 2008: Nghiên cứu sinh thạc sĩ tại trường đại học Công nghệ Nagaoka - Nhật Bản.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Từ năm 2008 đến năm 2012: Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại trường đại học Công nghệ Nagaoka - Nhật Bản.

- Từ năm 2012 đến Nay: Giảng viên bộ môn Quản trị Kinh doanh, Khoa Vận tải Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vận tải Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ...Không có.....

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm ..... Chưa nghỉ hưu.....**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

#### **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: 556080; ngành: Quản lý kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh giao thông vận tải;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao Thông Vận Tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 08 năm 2008; số văn bằng: 81; ngành: Kỹ thuật hệ thống môi trường, chuyên ngành: Giao thông đô thị;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ Nagaoka, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 08 năm 2012; số văn bằng: 634; ngành: Kỹ thuật khoa học môi trường và năng lượng, chuyên ngành: Logistics đô thị;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ Nagaoka, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: ..... Chưa.....**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải;**

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải;**

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**



- Quản lý phát triển kinh doanh giao thông vận tải.
- Quản lý phát triển giao thông đô thị bền vững.

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng) .....0..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài NCKH cấp Bộ (chủ nhiệm), 03 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm);
- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ...0..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03 (02 sách tham khảo và 01 sách giáo trình), trong đó ...03.. thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: ...0.....

#### **15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....**

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020.
- Bằng khen của Ban chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội do đạt danh hiệu Đảng viên trẻ Thủ đô xuất sắc tiêu biểu năm 2016.
- Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội do Tốt nghiệp thủ khoa – Khoa Vận tải Kinh tế - Trường ĐH GTVT năm học 2004.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo do đạt giải khuyến khích Sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2004.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2014, 2019, 2020, 2021.
- Giấy khen Hiệu trưởng: 2015, 2016, 2017, 2018

#### **16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có**

### **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

#### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Trong khoảng thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy tại Trường đại học Giao thông Vận tải (2005-2021), ứng viên tự đánh giá theo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo:

Đã đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt trong hoạt động giảng dạy và sinh hoạt.
- Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn đào tạo chuyên ngành Tổ chức và Quản lý giao thông vận tải, được công nhận chức danh giảng viên chính (hạng II).



- Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy
- Có lý lịch bản thân rõ ràng.

Ứng viên luôn hoàn tốt các nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu chuyên môn và chương trình của chuyên ngành đào tạo. Giáo dục bồi dưỡng thêm sinh viên các phẩm chất đạo đức, kỹ năng, tư cách của một công dân thế hệ mới.
- Luôn thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách Nhà nước và các điều lệ giáo dục, giảng dạy của Nhà trường.
- Luôn giữ gìn hình ảnh của một nhà giáo, đối xử sinh viên như một người tư vấn, định hướng trong cả chuyên môn và xã hội.
- Ngoài ra ứng viên cũng không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 09 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup> |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                                        |
| 1               | 2015-2016 | -                         | -   | -                                  | 16                                      | 519                                       | 225 | 744/1193.90/263                                                        |
| 2               | 2016-2017 | -                         | -   | 1                                  | 8                                       | 672                                       | 225 | 897/1480.42/256                                                        |
| 3               | 2017-2018 | -                         | -   | 3                                  | 12                                      | 600                                       | 270 | 870/1479.88/242                                                        |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                        |
| 4               | 2018-2019 | -                         | -   | 1                                  | 7                                       | 300                                       | 225 | 525/1206.90/235                                                        |
| 5               | 2019-2020 | -                         | -   | -                                  | 8                                       | 264                                       | 180 | 444/882.59/223                                                         |
| 6               | 2020-2021 | -                         | -   | -                                  | 4                                       | 513                                       | 405 | 918/1377.83/209                                                        |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS; ☒ tại nước: Nhật Bản năm 2008

- Bảo vệ luận án TS; ☒ tại nước: Nhật Bản năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ tiếng Anh: lớp Kế toán Việt - Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đạt chứng chỉ TOEFL (590 điểm) tại Hội đồng ITP năm 2005.

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...                    | Cơ sở đào tạo  | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|-------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                                       |                |                                                       |
| 1  | Bùi Thị Thương Huyền          |           | x             | x                     |     | Từ 04/2017 đến 10/2017<br>(Theo QĐ số 665/QĐ-ĐHGTVT)  | Trường ĐH GTVT | 24/04/2018/Quyết định cấp bằng số 776/QĐ-ĐHGTVT       |
| 2  | Lã Đình Cảnh                  |           | x             | x                     |     | Từ 11/2017 đến 05/2018<br>(Theo QĐ số 2225/QĐ-ĐHGTVT) | Trường ĐH GTVT | 17/09/2018/Quyết định cấp bằng số 1821/QĐ-ĐHGTVT      |
| 3  | Đặng Hoàng Trinh              |           | x             | x                     |     | Từ 11/2017 đến 05/2018<br>(Theo QĐ số 2225/QĐ-ĐHGTVT) | Trường ĐH GTVT | 17/09/2018/Quyết định cấp bằng số 1821/QĐ-ĐHGTVT      |
| 4  | Phạm Tiến Đạt                 |           | x             | x                     |     | Từ 11/2017 đến 05/2018<br>(Theo QĐ số 2225/QĐ-ĐHGTVT) | Trường ĐH GTVT | 17/09/2018/Quyết định cấp bằng số 1821/QĐ-ĐHGTVT      |



|   |           |  |   |   |  |                                                       |                   |                                                  |
|---|-----------|--|---|---|--|-------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|
|   |           |  |   |   |  | ĐHGTVT)                                               |                   | ĐHGTVT                                           |
| 5 | Võ Anh Tú |  | x | x |  | Từ 09/2018 đến 03/2019<br>(Theo QĐ số 1848/QĐ-ĐHGTVT) | Trường<br>ĐH GTVT | 16/12/2019/Quyết định cấp bằng số 2555/QĐ-ĐHGTVT |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

| TT | Tên sách                           | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản            | Số tác giả | Chủ biên         | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)                      | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                       |
|----|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận TS</b> |                            |                                         |            |                  |                                                              |                                                                                  |
| 1  |                                    |                            |                                         |            |                  |                                                              |                                                                                  |
| II | <b>Sau khi được công nhận TS</b>   |                            |                                         |            |                  |                                                              |                                                                                  |
| 1  | Mô hình thu hút đầu tư tư nhân     | TK                         | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật, 2021 | 02         | TS. Nguyễn Cao Ý | Phản biên soạn Chương 1 và 2, từ trang 13 đến trang 80.      | Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải ngày 21 tháng 5 năm 2021. |
| 2  | Quản trị công nghệ                 | GT                         | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật, 2021 | 07         | TS. Nguyễn Cao Ý | Phản biên soạn Chương 3, từ trang 53 đến trang 77.           | Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải ngày 21 tháng 5 năm 2021. |
| 3  | Hệ thống logistics thủy nội địa    | TK                         | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật, 2020 | 01         | TS. Nguyễn Cao Ý | Phản biên soạn Chương 1,2,3 và 4, từ trang 11 đến trang 239. | Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải ngày 21 tháng 5 năm 2021. |

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                           | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                    | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận TS</b>                                                                                       |           |                                         |                     |                                                      |
| 1  |                                                                                                                          |           |                                         |                     |                                                      |
| II | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                         |           |                                         |                     |                                                      |
| 1  | Nghiên cứu phát triển đường thủy nội địa trên các sông chính và các cửa sông thuộc tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình | CN        | DT184067<br><b>Cấp Bộ GTVT</b>          | 01/2018-12/2018     | Nghiệm thu ngày: 20/2/2019<br><b>(xếp loại Tốt)</b>  |
| 2  | Nghiên cứu giải pháp phát triển hệ thống các trung tâm dịch vụ logistics tại thành Phố Cần Thơ và vùng phụ cận           | Tham gia  | DT194004<br><b>Cấp Bộ GTVT</b>          | 01/2019-12/2019     | Nghiệm thu ngày: 24/2/2020<br><b>(xếp loại Tốt)</b>  |
| 3  | Một số giải pháp phát triển vận tải container trên tuyến thủy nội địa Hải Phòng - Ninh Bình                              | CN        | T2020-KT-002<br><b>Cấp cơ sở ĐHGTVT</b> | 01/2020-12/2020     | Nghiệm thu ngày: 23/10/2020<br><b>(xếp loại Tốt)</b> |
| 4  | Nghiên cứu một số giải pháp nhằm phát triển theo hướng bền vững vận tải ven biển khu vực phía Bắc                        | Tham gia  | T2020-KT-016<br><b>Cấp cơ sở ĐHGTVT</b> | 01/2020-12/2020     | Nghiệm thu ngày: 23/10/2020<br><b>(xếp loại Tốt)</b> |
| 5  | Nghiên cứu phát triển đường thủy nội địa nhằm phục vụ logistics tại tỉnh Thái                                            | Tham gia  | T2019-KT-006<br><b>Cấp cơ sở</b>        | 01/2019-12/2019     | Nghiệm thu ngày: 16/12/2019<br><b>(xếp loại Tốt)</b> |



|   | Bình                                                                                                             |    | ĐHGTVT                               |                 |                                               |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------|
| 6 | Nghiên cứu mô hình lựa chọn vị trí của doanh nghiệp dưới tác động của Hội tụ ngành tại TP. Hà Nội, Việt Nam      | CN | T2018-KT-005<br>Cấp cơ sở<br>ĐHGTVT  | 01/2018-12/2018 | Nghiệm thu ngày: 21/11/2018<br>(xếp loại Tốt) |
| 7 | Ứng dụng mô hình lựa chọn rời rạc để xác định vị trí kho, bãi cho các doanh nghiệp Logistic tại thành phố Hà Nội | CN | T2015-VTKT-49<br>Cấp cơ sở<br>ĐHGTVT | 01/2015-12/2015 | Nghiệm thu ngày: 20/12/2015<br>(xếp loại Tốt) |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                                              | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang            | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận TS</b>                                                                                                                                                                  |            |                  |                                                                                  |                                                   |                                            |                           |                    |
| 1  | Bài báo “Dynamic Motorcycle Unit and Mean Stream Speed under Mixed Traffic Conditions on Urban Roads”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/easts.7.2439">https://doi.org/10.11175/easts.7.2439</a> | 03         | Có               | Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124 |                                                   | 6                                          | Tập 07<br>Trang 2439÷2453 | 2007               |
| 2  | Bài báo “Acceleration and deceleration models of motorcycle at signalized intersections”.                                                                                                           | 03         | Không            | Journal of the Eastern Asia Society for Transportation                           |                                                   | 8                                          | Tập 07<br>Trang 2396÷2411 | 2007               |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                |    |       |                                                                                                |                            |    |                         |      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----|-------------------------|------|
|   | <a href="https://doi.org/10.11175/easts.7.2396">https://doi.org/10.11175/easts.7.2396</a>                                                                                                                                                                      |    |       | Studies<br>ISSN 1881-1124                                                                      |                            |    |                         |      |
| 3 | Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện “Motorcycle Equivalent Units of Bus based on Delay at Signalized Intersections in Urban Road”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.326.0">https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.326.0</a> | 04 | Có    | Proceeding of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124            |                            | 1  | Tập 7                   | 2009 |
| 4 | Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện “A study of applying Bus Rapid Transit System in Hanoi”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.267.0">https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.267.0</a>                                       | 04 | Không | Proceeding of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124            |                            |    | Tập 7                   | 2009 |
| 5 | Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện “Simulation Of Bus Operations in Urban Roads Using PARAMICS”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.344.0">https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.344.0</a>                                  | 04 | Không | Proceeding of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124            |                            |    | Tập 7                   | 2009 |
| 6 | Bài báo “Location Choice Model for Logistic Firms with Consideration of Spatial Effects”.<br><a href="https://doi.org/10.3141/2168-03">https://doi.org/10.3141/2168-03</a>                                                                                     | 02 | Có    | Transportation Research Record: Journal of the Transportation Research Board<br>ISSN 0361-1981 | SCIE (Q2) (IF2010 = 0.755) | 18 | Tập 2168<br>Trang 17÷23 | 2010 |
| 7 | Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế có phản                                                                                                                                                                                                                  | 04 | Có    | Proceeding of                                                                                  |                            | 3  | Tập 89                  | 2010 |

|    |                                                                                                                                                                                                                        |    |       |                                                                                  |                            |    |                           |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----|---------------------------|------|
|    | biên “Methodology for Motorcycle Equivalent Unit at Road- Segments in Urban Road”.<br><a href="https://trid.trb.org/view/910856">https://trid.trb.org/view/910856</a>                                                  |    |       | Transportation Research Board 89th Annual Meeting (TRB2010)                      |                            |    |                           |      |
| 8  | Bài báo “An Analysis on Traffic Accidents on Undivided Expressway in Cold and Snow Area”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/easts.8.2048">https://doi.org/10.11175/easts.8.2048</a>                                 | 04 | Không | Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124 |                            | 2  | Tập 08<br>Trang 2048÷2061 | 2010 |
| 9  | Bài báo “The Influence of Accessibility on Logistic Firm Location Choice”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/easts.9.772">https://doi.org/10.11175/easts.9.772</a>                                                  | 04 | Có    | Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies<br>ISSN 1881-1124 |                            | 1  | Tập 09<br>Trang 772÷783   | 2011 |
| 10 | Bài báo “Estimating Capacity and Motorcycle Equivalent Units on Urban Roads in Hanoi, Vietnam”.<br><a href="https://doi.org/10.1061/(ASCE)TE.1943-5436.0000382">https://doi.org/10.1061/(ASCE)TE.1943-5436.0000382</a> | 02 | Có    | Journal of Transportation Engineering<br>ISSN 0733-947X                          | SCIE (Q2) (IF2012 = 1.086) | 60 | Tập 138<br>Trang 776÷785  | 2012 |
| 11 | Bài báo “Firm Relocation Patterns Incorporating Spatial Interactions”.<br><a href="https://doi.org/10.1007/s00168-012-0523-3">https://doi.org/10.1007/s00168-012-0523-3</a>                                            | 04 | Có    | Annals of Regional Science<br>ISSN 0570-1864                                     | SSCI (Q1) (IF2012 = 1.352) | 30 | Tập 50<br>Trang 685÷703   | 2012 |
| 12 | Bài báo “Bus priority strategy comparisons at signalized intersections”.                                                                                                                                               | 03 | Không | Journal of Japan Society of Civil                                                | Scopus (Q4)                | 1  | Tập 68<br>Trang 719÷729   | 2012 |



|    |                                                                                                                                                                                                             |    |       |                                                        |  |   |                         |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|--------------------------------------------------------|--|---|-------------------------|------|
|    | <a href="https://doi.org/10.2208/jscejipm.68.I_719">https://doi.org/10.2208/jscejipm.68.I_719</a>                                                                                                           |    |       | Engineers<br>ISSN 2187-5103                            |  |   |                         |      |
| 13 | Bài báo “Comparative Analysis of Bus Lane Operations in Urban Roads Using Microscopic Traffic Simulation”.<br><a href="https://doi.org/10.11175/eastsats.2.269">https://doi.org/10.11175/eastsats.2.269</a> | 04 | Không | Asian Transport Studies<br>ISSN 2185-5560              |  | 5 | Tập 2<br>Trang 269÷283  | 2013 |
| II | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                                                                                                            |    |       |                                                        |  |   |                         |      |
| 14 | Bài báo “Ứng dụng mô hình logit đa thức vào lựa chọn phương tiện vận tải”.<br><a href="https://thuvien.utc2.edu.vn/Viewbook-14435.html">https://thuvien.utc2.edu.vn/Viewbook-14435.html</a>                 | 01 | Có    | Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải.<br>ISSN 1859-2724 |  |   | Tập 45<br>Trang 113÷118 | 2014 |
| 15 | Bài báo “Ảnh hưởng của người đi bộ băng ngang qua đường lên dòng giao thông ở Việt Nam”.                                                                                                                    | 04 | Không | Tạp chí giao thông vận tải<br>ISSN: 2354-0818          |  |   | Tập 56<br>Trang 14÷17   | 2015 |
| 16 | Báo cáo tại hội nghị khoa học quốc gia có phản biện “Sự ảnh hưởng của vạch sang đường lên hành vi ứng xử của người qua đường trong điều kiện giao thông xe máy”.                                            | 04 | Không | Hội nghị an toàn giao thông Việt Nam 2016              |  |   | Tập 89                  | 2016 |
| 17 | Bài báo “Vận tải đa phương thức trong hệ thống logistics thủy nội địa tại khu vực phía Bắc, Việt Nam”.                                                                                                      | 01 | Có    | Tạp chí giao thông vận tải<br>ISSN: 2354-0818          |  |   | Tập 10<br>Trang 138÷141 | 2017 |
| 18 | Bài báo “Mô hình chuỗi cửa hàng tiện lợi tại Hà Nội, thực trạng và giải pháp”.                                                                                                                              | 03 | Có    | Tạp chí Khoa học Giao thông Vận tải.<br>ISSN 1859-2724 |  |   | Tập 56<br>Trang 113÷118 | 2017 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |       |                                                             |  |  |                            |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------|------|
| 19 | Bài báo “Vận tải thủy nội địa trong việc kết nối giữa hệ thống cảng cạn và cảng biển tại khu vực phía Bắc”.<br><a href="http://vapo.vn/tap-chi/van-tai-thuy-noi-dia-trong-viec-ket-noi-giua-he-thong-cang-can-va-cang-bien-tai-khu-vuc-phia-bac">http://vapo.vn/tap-chi/van-tai-thuy-noi-dia-trong-viec-ket-noi-giua-he-thong-cang-can-va-cang-bien-tai-khu-vuc-phia-bac</a> | 04 | Có    | Tạp chí Biển và Bờ<br>ISSN: 2354-1245                       |  |  | Tập 4<br>Trang<br>156÷161  | 2017 |
| 20 | Bài báo “Nghiên cứu phát triển giao thông thủy nội địa nhằm phục vụ logistics tại 3 tỉnh Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình”.                                                                                                                                                                                                                                                  | 03 | Có    | Tạp chí giao thông vận tải<br>ISSN: 2354-0818               |  |  | Tập 9<br>Trang<br>109÷112  | 2018 |
| 21 | Bài báo “Nghiên cứu mô hình lựa chọn vị trí của doanh nghiệp dưới tác động của hội tụ ngành tại TP. Hà Nội, Việt Nam”.                                                                                                                                                                                                                                                       | 01 | Có    | Tạp chí giao thông vận tải<br>ISSN: 2354-0818               |  |  | Tập 11<br>Trang<br>129÷133 | 2018 |
| 22 | Bài báo “Phát triển giao thông thủy nội địa nhằm phục vụ logistics tại tỉnh Thái Bình”.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 02 | Có    | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868-3808 |  |  | Tập 553<br>Trang<br>73÷75  | 2019 |
| 23 | Bài báo “Nghiên cứu một số giải pháp phát triển theo hướng bền vững vận tải ven biển khu vực phía Bắc”.                                                                                                                                                                                                                                                                      | 02 | Không | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868-3808 |  |  | Tập 568<br>Trang<br>94÷96  | 2020 |
| 24 | Bài báo “Một số giải pháp phát triển vận tải container trên tuyến thủy nội địa Hải Phòng – Ninh Bình”.<br><a href="https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/58234">https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/58234</a>                                                                                                                                                      | 01 | Có    | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương<br>ISSN: 0868-3808 |  |  | Tập 571<br>Trang<br>93÷95  | 2020 |
| 25 | Bài báo “Một số giải pháp tăng tính kết nối giữa đường thủy nội địa với phương thức vận tải khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 01 | Có    | Tạp chí giao                                                |  |  | Tập 05<br>Trang            | 2021 |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |    |                                                       |                                |  |                            |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|-------------------------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------------|------|
|    | tại khu vực phía Bắc – Việt Nam”.<br><a href="http://www.tapchigiaothong.vn/mot-so-giai-phap-tang-tinh-ket-noi-giua-duong-thuy-noi-dia-voi-phuong-thuc-van-tai-khac-tai-khu-vuc-phia-bac-d91525.html">http://www.tapchigiaothong.vn/mot-so-giai-phap-tang-tinh-ket-noi-giua-duong-thuy-noi-dia-voi-phuong-thuc-van-tai-khac-tai-khu-vuc-phia-bac-d91525.html</a> |    |    | thông vận tải<br>ISSN: 2354-0818                      |                                |  | 155÷157                    |      |
| 26 | Bài báo “Factors Affecting On Urban Location Choice Decisions Of Enterprises”.<br><a href="https://ideas.repec.org/a/hrs/journal/vxiiy2021i1p217-224.html">https://ideas.repec.org/a/hrs/journal/vxiiy2021i1p217-224.html</a>                                                                                                                                    | 01 | Có | Journal of Regional Science Inquiry<br>ISSN 1791-5961 | Scopus (Q4)<br>(IF2020 = 0.38) |  | Tập 13<br>Trang<br>217÷224 | 2021 |
| 27 | Bài báo “Modelling firm relocation decision behaviour in the Tokyo metropolitan region, through discrete choice theory”.<br><a href="http://www.ksh.hu/docs/hun/xftp/terstat/2021/rs110107.pdf">http://www.ksh.hu/docs/hun/xftp/terstat/2021/rs110107.pdf</a>                                                                                                    | 01 | Có | Journal of Regional Statistics<br>ISSN 2063-9538      | ESCI (Q2)<br>(IF2020 = 2.39)   |  | Tập 11<br>Trang<br>147÷166 | 2021 |
| 28 | Bài báo “Modeling enterprise location choice decision behavior”.<br><a href="https://doi.org/10.5198/jtlu.2021.1743">https://doi.org/10.5198/jtlu.2021.1743</a>                                                                                                                                                                                                  | 01 | Có | Journal of Transport and Land Use<br>ISSN 1938-7849   | SSCI (Q1)<br>(IF2020 = 2.35)   |  | Tập 14<br>Trang<br>669÷691 | 2021 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 03; thứ tự 03 bài là: 26, 27, 28.

**7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg):** Không có

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:** Không có

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:** Không có

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                                             | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)           | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Xây dựng chương trình Đào tạo chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt Anh trình độ đại học theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP | Trưởng tiểu ban                | Quyết định số 1271/QĐ-ĐHGTVT ngày 28 tháng 6 năm 2021  | ĐHGTVT                             |                                 |         |
| 2  | Xây dựng chương trình đào tạo theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Khoa Vận Tải Kinh Tế                                     | Tiểu Ban chỉ đạo giám sát      | Quyết định số 2038/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2020 | ĐHGTVT                             |                                 |         |
| 3  | Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục - Trường ĐH GTVT                                                                  | Tham gia                       | Quyết định số 1444/QĐ-ĐHGTVT ngày 09 tháng 09 năm 2020 | ĐHGTVT                             |                                 |         |
| 4  | Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục - Trường ĐH GTVT                                                         | Tham gia ban thư ký            | Quyết định số 1624/QĐ-ĐHGTVT ngày 06 tháng 10 năm 2020 | ĐHGTVT                             |                                 |         |
| 5  | Đề án chương trình đào tạo                                                                                              | Thư ký                         | Quyết định số 1047/QĐ-                                 | ĐHGTVT                             |                                 |         |



|   |                                                                                         |               |                                                                       |        |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------|--------|--|--|
|   | chất lượng cao<br>ngành Quản trị<br>kinh doanh                                          |               | ĐHGTVT<br>ngày 17 tháng<br>7 năm 2020                                 |        |  |  |
| 6 | Đề án chương<br>trình liên kết<br>đào tạo bậc<br>thạc sĩ - ngành<br>Quản trị quốc<br>tế | Tham gia      | Quyết định số<br>1653/QĐ-<br>ĐHGTVT<br>ngày 13 tháng<br>8 năm 2019    | ĐHGTVT |  |  |
| 7 | Xây dựng<br>chương trình<br>đào tạo theo<br>tiếp cận CDIO<br>của trường ĐH<br>GTVT      | Ban Thư<br>ký | Quyết định<br>số 1125/QĐ-<br>ĐHGTVT<br>ngày 23<br>tháng 5 năm<br>2019 | ĐHGTVT |  |  |
| 8 | Xây dựng<br>chương trình<br>đào tạo bậc<br>Cao học ngành<br>Quản lý kinh tế             | Tham gia      | Quyết định<br>số 1966/QĐ-<br>ĐHGTVT<br>ngày 20<br>tháng 9 năm<br>2016 | ĐHGTVT |  |  |
| 9 | Tự đánh giá<br>chất lượng<br>Chương trình<br>tiên tiến                                  | Tham gia      | Quyết định<br>số 1330/QĐ-<br>ĐHGTVT<br>ngày 17<br>tháng 6 năm<br>2016 | ĐHGTVT |  |  |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: Không có**

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Nguyễn Cao Ý**